

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/DS-ST  
Ngày: 11-9-2020  
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán  
tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hải Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Khanh
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà: Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh S.

*2. Bị đơn:* Anh Phạm Vũ P, sinh năm 1980.

Chị Lâm Thị T, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp Số x, xã Đ, huyện Kế, tỉnh S.

(Các đương sự cùng có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:**

Anh T là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp, vợ chồng anh Phạm Vũ P và chị Lâm Thị T nhiều lần đến cửa hàng của anh để mua vật tư nông nghiệp. Sau khi kết toán thì vợ chồng anh P, chị T còn nợ anh T số tiền là 114.370.000 đồng.

Anh T nhiều lần đến nhà vợ chồng anh P, chị T để đòi số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ nhưng anh P, chị T không chịu thanh toán mà cứ hẹn lần lữa kéo dài từ đó cho đến nay.

Nay anh T yêu cầu vợ chồng anh Phạm Vũ P và chị Lâm Thị T phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 114.370.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 04/7/2019 cho đến ngày xét xử, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

**Tại bản tự khai ngày 24/8/2020, và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Phạm Vũ P trình bày:**

Anh P và chị Lâm Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Anh P và chị T thừa nhận có mua thức ăn gia súc và còn nợ anh T số tiền 114.370.000 đồng từ tháng 07/2019 cho đến nay chưa trả.

Nay anh Phạm Vũ P và chị Lâm Thị T cũng đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 114.370.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách 04 tháng trả 5.000.000 đồng đến khi xong nợ và xin bỏ lãi.

**Tại bản tự khai ngày 24/8/2020, và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Lâm Thị T trình bày:**

Chị T và anh Phạm Vũ P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Chị T thừa nhận có mua thức ăn gia súc và còn nợ anh T số tiền 114.370.000 đồng từ tháng 07/2019 cho đến nay chưa trả.

Nay chị Lâm Thị T và anh Phạm Vũ P cũng đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 114.370.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách 04 tháng trả 5.000.000 đồng đến khi xong nợ và xin bỏ lãi.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T là chính đáng và có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, anh Phạm Vũ P và chị Lâm Thị T có ý kiến thừa nhận còn nợ anh Nguyễn Văn T tiền mua thức ăn 114.370.000 đồng.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về chứng cứ trong vụ án:** Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn có ý kiến thừa nhận như sau: “đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 114.370.000 đồng nhưng xin trả dần bằng cách 04 tháng trả 5.000.000 đồng đến khi xong nợ và xin bỏ lãi.”

Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

**[2] Về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T:** Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch mua bán hàng hóa là vật tư nông nghiệp với hình thức mua trả tiền sau khi nhận hàng và hiện còn 114.370.000 đồng chưa tất toán là có thật. Tuy nhiên, từ ngày 04/7/2019 cho đến nay, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã ngừng các giao dịch mua bán nhưng các bị đơn không thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là 114.370.000 đồng cho nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 431, Điều 433 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **[3] Về yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 04/7/2019 cho đến ngày xét xử**

Xét thấy, như đã nhận định trên, việc các bị đơn không trả tiền vốn mua vật tư nông nghiệp còn nợ cho nguyên đơn trong khoảng thời gian từ ngày 04/7/2019 cho đến nay là không thực hiện đúng theo quy định về nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên, ý kiến của nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền còn nợ là 114.370.000 đồng, mức lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 04/7/2019 cho đến ngày 11/9/2020 (ngày xét xử) là chính đáng và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức tiền lãi được tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

$114.370.000 \text{ đồng} \times (10\%/\text{năm} : 12 \text{ tháng}) \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 07 \text{ ngày}) =$   
**13.511.291 đồng.**

**[4] Về án phí DSST:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

**[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 92, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 440, Điều 468, Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

**[1] Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Buộc anh Phạm Vũ P và chị Lâm Thị T cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn T số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 114.370.000 đồng và 13.511.291 đồng tiền lãi do chậm trả, cộng chung là 127.881.291 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi một ngàn hai trăm chín mươi một đồng).**

**[2] Về án phí, chi phí tố tụng:**

Anh Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **2.860.000 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0004328 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Anh Phạm Vũ P và chị Lâm Thị T phải cùng chịu **6.394.065 đồng (sáu triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng)** tiền án phí DSST.

Án xử công khai, anh Nguyễn Văn T, anh Phạm Vũ P và chị Lâm Thị T có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực để thi hành và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(đã ký)**

**Phạm Hải Duy**

**T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hải Duy**